

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2026

V/việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lô Văn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Văn Vận - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn D.** Sinh ngày 20/10/1987.

Nơi đăng ký thường trú: Xóm Đ, xã T, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: 53a Innsbrucker platz - B - Đức.

Số căn cước công dân: 040087035066.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Hồ Thị P.** Sinh ngày 05/10/1997.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, tỉnh Nghệ An.

Số căn cước công dân: 040197003430.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Hồ Thị P quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2016 tại UBND xã Đ, huyện Q (nay là xã T), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường, đến năm 2023 anh D sang Ba Lan làm việc, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa, tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, ly hôn là để giải thoát cho cả hai vợ chồng. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng,

quan hệ vợ chồng không còn tình cảm và không còn hạnh phúc. Vì vậy, anh D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hồ Thị P.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Hồ Thị P có 03 con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/7/2016; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 03/7/2018 và Nguyễn Thị Tú L, sinh ngày 22/6/2022. Hiện nay các con chung đang sinh sống với chị P, anh D hiện nay đang ở nước ngoài nên nếu ly hôn thì anh D đề nghị giao các con chung cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị P cũng thống nhất với anh D về giao nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh D và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D hiện đang cư trú và làm việc tại nước Cộng hòa Liên Bang Đ, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh D ủy quyền cho bà Phan Thị Kim A, sinh năm 1965, trú tại xóm Đ, xã T, tỉnh Nghệ An (là mẹ đẻ của anh D) thay mặt anh nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án gửi cho anh D.

* Theo bản tự khai, bị đơn chị Hồ Thị Phương trình B:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị P và anh Nguyễn Văn D quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2016 tại UBND xã Đ, huyện Q (nay là xã T), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường, đến năm 2023 anh D sang Ba Lan làm việc, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa, tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, ly hôn là để giải thoát cho cả hai vợ chồng. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, quan hệ vợ chồng không còn tình cảm và không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị P đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Chị Hồ Thị P và anh Nguyễn Văn D có 03 con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/7/2016; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 03/7/2018 và Nguyễn Thị Tú L, sinh ngày 22/6/2022. Hiện nay các con chung đang sinh sống với chị P, anh D hiện nay đang ở nước ngoài nên nếu ly hôn thì chị P yêu cầu được giao nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh D cũng đồng ý với chị P về giao nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì chị P và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn D hiện đang cư trú tại nước Cộng hòa Liên Bang Đ, đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị P hiện đang cư trú tại xóm Đ, xã T, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[1.3] Về thủ tục hòa giải: Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì nguyên đơn anh Nguyễn Văn D không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D làm đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền (có xác nhận của Đ tại Cộng hòa liên bang Đ) và đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Hồ Thị P có bản tự khai trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn D và chị Hồ Thị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị P là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không ai còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Hiện nay, anh D đang ở nước Đức, chị P đang ở Việt Nam, vợ chồng sống xa cách nhau từ khi anh D đi nước ngoài cho đến nay. Cả hai bên đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn được ly hôn, thỏa thuận nuôi con, không yêu cầu Tòa án chia tài sản và nợ chung. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Điều 3 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Hồ Thị P.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Hồ Thị P có 03 con chung. Nay ly hôn, anh D và chị P thống nhất giao 03 con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/7/2016; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 03/7/2018 và Nguyễn Thị Tú L, sinh ngày 22/6/2022 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh D và chị P tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Hồ Thị P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau này nếu giữa các bên

có yêu cầu giải quyết về chia tài sản và nợ chung thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn D, chị Hồ Thị P mỗi người phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T1 về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 3; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Hồ Thị P.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn D và chị Hồ Thị P như sau: Giao các con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/7/2016; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 03/7/2018 và Nguyễn Thị Tú L, sinh ngày 22/6/2022 cho chị Hồ Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn D.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003012 ngày 21/4/2026 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Trả lại cho anh Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí 225.000^d (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Hồ Thị P phải chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Hồ Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND khu vực 10; VKSND tỉnh Nghệ An;
- Phòng GĐKT, TT&THAHS, TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã T, tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh N;
- Phòng T2 10, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu văn phòng.

Lô Văn Linh